

VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM QUA CA DAO, TỤC NGŨ

Lê Công Lý*

Trên thế giới, phụ nữ chiếm khoảng 50% dân số. Riêng ở Việt Nam, do xuất phát từ nền văn hóa nông nghiệp nên vai trò của người phụ nữ càng nổi trội. Vai trò đó đã được thể hiện một cách đầy đủ và súc tích qua ca dao và tục ngữ như một kiểu ký ức lịch sử. Do đó, nghiên cứu vai trò người phụ nữ Việt Nam qua ca dao, tục ngữ là cần thiết, nhằm tìm hiểu quan niệm của nhân dân về vai trò người phụ nữ và qua đó hiểu được bộ mặt xã hội trong lịch sử.

I. Lịch sử vấn đề

Việt Nam có truyền thống trọng nữ từ lâu đời nên vai trò đặc biệt của người phụ nữ luôn được thừa nhận và tôn trọng. Điều đáng quan tâm là ngay từ bộ luật Hồng Đức thời Lê Thánh Tông đã rất đề cao người phụ nữ, cho phép họ được quyền thừa kế tài sản ngang hàng nam giới.

Chính vì vậy mà hình ảnh người phụ nữ xuất hiện rất sớm trong các tác phẩm văn học dân gian và sau đó là trong các tác phẩm văn học thành văn và báo chí. Thật vậy, các tờ báo của nữ giới xuất hiện rất sớm ở Sài Gòn và nổi tiếng như *Nữ giới chung* (1918), *Phụ nữ tân văn* (1929), *Phụ nữ tùng thư* (1957)... Đặc biệt, tờ *Phụ nữ tân văn* ngoài bìa có in hai câu thơ thể hiện tôn chỉ rõ ràng:

*Phấn son tô điểm sơn hà,
Làm cho tỏ mặt đàn bà nước Nam.*

Cũng theo sự tổ chức của tờ báo này, ngày 8/9/1934, nữ sĩ Nguyễn Thị Kiêm (tức Nguyễn Thị Mạnh Mạnh) có buổi diễn thuyết tại Hội Khai trí Tiến đức ở Hà Nội về “Mẫu người đàn bà lý tưởng Việt Nam”, nâng vị trí người phụ nữ Việt Nam lên một tầm cao mới.

Trên báo *Ngày nay* từ số 25 (tháng 9/1936) đến số 41 (tháng 1/1937), nhà văn Hoàng Đạo lần lượt công bố “Mười điều tâm niệm”, trong đó có điều tâm niệm thứ sáu là “Phụ nữ ra ngoài xã hội”. Đặt trong ảnh hưởng to lớn của nhóm Tự lực văn đoàn, điều tâm niệm này đã vực dậy vai trò của phụ nữ trong buổi giao thời còn nhiều hoang mang.⁽¹⁾

Năm 1960, Vũ Ngọc Phan có bài “Tinh thần chống ngoại xâm của phụ nữ qua ca dao xưa và nay” (Tạp chí *Văn học*, số 2/1960) nhằm đánh thức và phát huy truyền thống vẻ vang của phụ nữ để tham gia vào công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

* Phân viện Nghiên cứu Văn hóa-Thông tin tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1987, *Trung tâm Nghiên cứu Khoa học về Gia đình và Phụ nữ* được thành lập, trực thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam và từ năm 1990 phát hành tạp chí *Khoa học về phụ nữ*. Điều đó thể hiện một bước tiến lớn trong nhận thức về vai trò của người phụ nữ và được Nhà nước quan tâm, coi trọng.

Năm 2000, GS Trần Quốc Vượng cho ra mắt công trình *Truyền thống phụ nữ Việt Nam* (Nxb Văn hóa Dân tộc). Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu bài bản về truyền thống về vang của phụ nữ Việt Nam từ xưa đến nay.

Đến năm 2004, Dương Thị Minh xuất bản cuốn *Gia đình Việt Nam và vai trò người phụ nữ trong gia đình hiện nay* (Nxb Chính trị Quốc gia). Công trình này thể hiện cái nhìn xác đáng về vai trò của người phụ nữ Việt Nam: vai trò gắn với gia đình.

Qua các công trình kể trên, có thể nhận thấy vai trò người phụ nữ chủ yếu chỉ được nghiên cứu trên bình diện xã hội và dựa vào tư liệu lịch sử là chính. Do đó, việc tìm hiểu vai trò người phụ nữ qua tư liệu ca dao, tục ngữ là hết sức cần thiết, nhằm bổ sung vào công việc nghiên cứu vai trò người phụ nữ trong quá khứ để làm tiền đề phát huy vai trò ấy trong xã hội hiện nay.

II. Vai trò của phụ nữ Việt Nam qua ca dao, tục ngữ

Ngay từ buổi hồng hoang của dân tộc ta, người phụ nữ đã giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong xã hội. Điều đó đã được thể hiện một cách hết sức đậm nét trong kho tàng thần thoại, truyền thuyết, cổ tích và ca dao, tục ngữ Việt Nam. Chính vì thế nên ngay cả người anh hùng làng Gióng cũng có mẹ mà “không cần” có cha; Sọ Dừa cũng chỉ biết có mẹ... Sau đó, hình ảnh người cha xuất hiện nhưng vẫn không thể vượt qua được vai trò người mẹ. Bởi vậy, sau khi mẹ Âu Cơ và cha Lạc Long Quân chia tách đàn con làm hai, chỉ có người con cả theo mẹ mới được làm vua.⁽²⁾

Tuy nhiên, khi Trung Quốc xâm lược Việt Nam thì hệ thống tư tưởng Nho giáo tràn sang và đi kèm theo nó là tư tưởng trọng nam khinh nữ, khiến vai trò của người phụ nữ bị đẩy lùi, thậm chí bị chà đạp. Dù vậy, tư tưởng ác nghiệt đó cũng chỉ ảnh hưởng chủ yếu ở tầng lớp trên của xã hội, còn tầng lớp bình dân thì vẫn tự giác gìn giữ truyền thống trọng nữ như là một nét bản sắc văn hóa dân tộc. Bỏ qua những câu thuộc về khẩu khí kiểu “*Ba đồng một mớ đàn ông*”, “*Ba trăm một mụ đàn bà*” hay “*Mười người đàn ông không bằng cái mông người đàn bà*”..., căn cứ vào những câu mang tính nghiêm túc cũng đủ thấy vai trò đặc biệt quan trọng của người phụ nữ Việt Nam.

Vai trò của người phụ nữ Việt Nam thể hiện qua ca dao, tục ngữ chủ yếu là ở các khía cạnh sau: vai trò bảo tồn nòi giống, vai trò xây dựng nề nếp gia phong, vai trò kinh tế và vai trò đấu tranh chống ngoại xâm.

1. Vai trò bảo tồn nòi giống

Trong giới nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam, Trần Ngọc Thêm là người đầu tiên đặt vấn đề cần phải nghiên cứu “*Văn hóa bảo tồn nòi giống*”. Theo ông, “*Trong số tất cả các loại giá trị văn hóa thì các giá trị liên quan đến văn hóa bảo tồn nòi giống là loại giá trị đặc biệt nhất.*”⁽³⁾

Thật vậy, cũng như các dân tộc khác trên thế giới, người Việt Nam từ rất sớm đã có quan niệm hết sức nghiêm túc về vấn đề duy trì nòi giống. Truyền thuyết “Quả bầu mẹ” của dân tộc Khmú kể rằng sau trận đại hồng thủy, mọi người trên thế gian đều chết hết, chỉ còn lại hai anh em nhà nọ. Họ bèn nghe lời chim thần lấy nhau làm vợ chồng để duy trì nòi giống. Hành động “loạn luân” này chẳng những không bị người đời sau lên án mà ngược lại còn được bày tỏ thái độ tri ân, đủ thấy trách nhiệm duy trì nòi giống được ông cha ta coi trọng đến mức nào.

Trong công việc duy trì nòi giống thì giống cái giữ vai trò chính còn giống đực chỉ giữ vai trò phụ. Bởi vậy mà các hình tượng thuộc tín ngưỡng phồn thực được tôn thờ phần lớn là các bộ phận sinh dục nữ.

Trong ca dao, tục ngữ Việt Nam, vai trò sinh đẻ của người phụ nữ luôn rất được đề cao:

- *Con chim se sẻ nó đẻ cột đình,
Bà ngoại đẻ má, má đẻ mình em ơi.*
- *Có chồng mà chẳng có con,
Khác gì hoa nở trên non một mình.*
- *Trâu kia cắn cỏ bờ ao,
Anh kia không vợ đời nào có con!
Người ta con trước con sau,
Thân anh không vợ như cau không buồn.*

Bởi vậy mà ngày xưa đàn ông chọn vợ rất coi trọng tiềm năng sinh sản:

- *Mua trâu chọn giống, lấy vợ chọn dòng.*
- *Lưng chữ cụ, vú chữ tâm.*
- *Lớn vú bụ con.*
- *Đàn ông không râu bất nghì,
Đàn bà không vú lấy gì nuôi con.*
- *Những người thất đày lưng ong,
Đã khéo chiều chồng lại khéo nuôi con.*

Những người phụ nữ không có khả năng sinh con bị xem là có tội (*Tam niên vô tử bất thành thê*), chồng có thể đi lấy vợ khác, thậm chí người vợ đó phải chủ động đi cưới vợ khác cho chồng để có con nối dõi tông đường. Những người phụ nữ không con, do đó, càng thêm bất hạnh, bị rẻ rúng, khinh khi: “*Cây độc không trái, gái độc không con*”.

2. Vai trò xây dựng nề nếp gia phong

2.1. Vai trò nuôi dạy con cái

Trong gia đình Việt Nam, người phụ nữ chịu trách nhiệm chính trong việc nuôi dạy con cái, được xem là “nội tướng”, người nội trợ trong gia đình. Chính người mẹ đã mang nặng đẻ đau và nuôi dạy con khôn lớn:

- *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa,
Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương.*

- *Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chầy thức đủ vừa năm.*

“*Mẹ thương con biển hồ lai láng*”. Chẳng những nuôi lớn phần xác, mẹ còn nuôi lớn con phần hồn bằng lời ru nồng nàn tình nghĩa và dạy dỗ con nên người:

- *Phúc đức tại mẫu.*
- *Mẹ ngoảnh đi, con dại; mẹ ngoảnh lại, con khôn.*
- *Mẹ dạy thì con khéo, bố dạy thì con khôn.*

Khi con cất tiếng nói bi bô đầu đời, người mẹ cảm thấy vô cùng hạnh phúc:

*Có vàng vàng chẳng hay phô,
Có con, con nói trầm trồ mẹ nghe.*

Khi con lớn lên một chút, chính mẹ là người chỉ bảo, dìu dắt con đi trên mọi bước đường:

*Ví dầu cầu ván đóng đinh,
Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi.
Khó đi mẹ dắt con đi...*

Chính vì vậy mà người mẹ, người bà chịu hoàn toàn trách nhiệm về đứa con, đứa cháu của mình: “*Con dại cái mang*”, “*Mẹ nào con nấy*”, “*Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà*”... Hầu như tạo hóa sinh ra người phụ nữ là để hy sinh cho chồng con:

*Có con phải khổ vì con,
Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng.*

So với cha thì công lao của người mẹ thường nặng hơn nhiều: “*Cha sinh không bằng mẹ dưỡng*”. Bởi vậy mà mồ côi cha vẫn không khổ bằng mồ côi mẹ:

*Mồ côi cha ăn cơm với cá,
Mồ côi mẹ liếm lá đầu chợ.*

Tình phụ tử sâu nặng đã đành, nhưng tình mẫu tử lại có thêm sự cảm thông sâu sắc:

- *Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.*
- *Vẳng nghe chim vịt kêu chiều,
Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.*
- *Má ơi đừng gả con xa,
Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu.*

Người mẹ đặc biệt lo cho tương lai hạnh phúc của con gái khi đến tuổi lấy chồng:

*Mẹ mong gả thiếp về vườn,
Ăn bông bí luộc, dưa hường nấu canh.*

Lời mẹ căn dặn con gái trước khi về nhà chồng thật tha thiết, cho thấy trách nhiệm nặng nề của người phụ nữ:

*Con gái lớn ơi, mẹ bảo đây này:
Học buôn học bán cho tày người ta.*

*Con đừng học thói chua ngoa,
Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười.
Dù no dù đói cho tươi,
Khoan ăn bớt ngủ là người lo toan.
Phòng khi đóng góp việc làng,
Đồng tiền bát gạo lo toan cho chồng.
Trước là đẹp mặt cùng chồng,
Sau là họ mạc cũng không chê cười.
Con ơi, nhớ bấy nhiêu lời.*

Chính vì gắn bó nhiều với mẹ nên đứa con cũng dễ gắn bó và yêu thương bên ngoại. Nếu đứa con gắn bó bên nội chủ yếu là ở quan niệm về huyết thống thì lại gắn bó với bên ngoại chủ yếu là ở tình cảm. Nếu có gặp biến cố lớn trong gia đình thì đứa con thường trôi dạt về quê ngoại như “lá rụng về cội”: “Tán về nội, thoái về ngoại”, “Cháu bà nội, tội bà ngoại”. Riêng giữa cháu và bà ngoại luôn có một mối tình đặc biệt:

*Mộc Hóa là xứ quê mùa,
Bà thăm cháu ngoại cho vừa cà na.*

2.2. Vai trò gìn giữ hạnh phúc gia đình

Vai trò này chủ yếu thể hiện trong mối quan hệ với chồng mà trước hết là việc “chiều chồng”. Người phụ nữ Việt Nam có truyền thống yêu thương chồng tha thiết, vượt trội hẳn tình yêu thương của chồng:

- *Gái thương chồng đương đông buổi chợ,
Trai thương vợ nắng quai chiều hôm.*
- *Chồng em áo rách em thương,
Chồng người áo gấm xông hương mặc người.*

Trong gia đình, người phụ nữ luôn hết lòng chăm lo cho chồng như một người phục vụ nhiệt tình:

- *Chiều chiều lửa cháy com sôi,
Heo la con khóc, chồng ngồi vênh râu.*
- *Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân,
Nay anh học gần, mai anh học xa.
Lấy chồng từ thuở mười ba,
Việc của việc nhà anh bỏ cho tôi.*

Đặc biệt, người phụ nữ Việt Nam luôn rất “chiều chồng”:

*Đang con lửa tắt com sôi,
Lợn kêu con khóc, chồng đòi tòm tem.
Bây giờ com đã chín rồi,
Lợn no con nín, tòm tem thì tòm.*

Tuy là phái yếu nhưng họ lại luôn có ý thức che chở cho chồng:

- *Trời mưa ướt lá trâu vàng,
Uớt em em chịu, uớt chàng em thương.*

- *Em nghe anh đau đầu chưa khá,
Em băng đồng chỉ sá hái ngọn lá cho anh xông.
Ước chi nên đạo vợ chồng,
Đổ mồ hôi thì em quạt, ngọn gió lồng thì em che.*
- *Thương chồng nên phải cố công,
Nào ai xương sắt da đồng chi đâu.*

Những hành động cao cả nói trên tóm lại là ở đức hy sinh cao cả của người phụ nữ Việt Nam, trước hết là đối với chồng:

*Thương chồng nên phải lội sông,
Vì chồng nên phải ăn ròng bẹ môn.*

So với nam giới thì người phụ nữ Việt Nam có truyền thống thủy chung hơn nhiều:

- *Chưa chồng đi dọc đi ngang,
Có chồng thì thẳng một đường mà đi.*
- *Có chồng thì phải theo chồng,
Chồng đi hang rắn hang rồng cũng theo.*

Ngay cả khi chồng ruồng bỏ, họ vẫn nhẹ nhàng van lơn một cách khiêm nhường, từ tốn:

*Chàng ơi phụ thiếp mà chi,
Thiếp như com nguội đỡ khi đói lòng.*

Đặc biệt, khi chồng giận dữ, vai trò dàn xếp của người vợ vô cùng quan trọng:

*Chồng giận thì vợ bớt lời,
Com sôi nhỏ lửa mấy đời com khê.*

3. Vai trò kinh tế

Người phụ nữ Việt Nam là trung tâm kinh tế của gia đình. Họ vừa là thủ quỹ (*Trai có vợ như giỏ có hom*), vừa là người cân đối chi tiêu. Người vợ hiền thực, đảm đang là thứ tài sản vô cùng quý giá của chồng:

*Làm trai lấy được vợ hiền,
Như cầm đồng tiền mua được của ngon.*

Về hình thức thì gia đình Việt Nam có vẻ nam quyền, nhưng thực chất lại rất bình đẳng, thậm chí tiếng nói của người vợ là quyết định:

- *Lệnh ông không bằng công bà.*
- *Ông tha mà bà chẳng tha,
Làm nên cái lụt hăm ba tháng mười.*

Người vợ đóng vai trò không nhỏ trong mọi thành công của chồng: “Giàu nhờ bạn, sang nhờ vợ”. Tài sản trong gia đình có được cũng là nhờ “của chồng công vợ”. Vợ là người đồng chí của chồng:

*Vợ chồng như đôi cu cu,
Chồng thời đi trước, vợ gật gù theo sau.*

Mọi việc trong nhà, dù nặng hay nhẹ, đều có sự góp công của người phụ nữ thì mới thành công: *Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn*. Hình

ảnh *Chồng cày vợ cấy, con trâu đi bừa* trở nên vô cùng quen thuộc trong tâm thức người Việt Nam. Bởi vậy, cảnh người đàn ông làm lụng dãi dầu lẻ loi một mình bao giờ cũng lạ lẫm:

*Chú kia mà vợ chú đâu,
Chú đi bắt ốc hái rau một mình.*

Áp lực công việc trong gia đình luôn đè nặng lên đôi vai người phụ nữ:

- *Có chồng chẳng được đi đâu,
Có con chẳng được đứng lâu một giờ.*
- *Thân em mười sáu tuổi đầu,
Mẹ cha ép gả làm dâu nhà người.
Nói ra sợ chị em cười,
Năm ba chuyện khổ, chín mười chuyện cay.
Tôi về đã mấy năm nay
Buồn riêng thì có, vui rày thì không.
Ngày thì vất vả ngoài đồng,
Tối về thì lại nằm không một mình.
Có đêm thức suốt năm canh,
Rau heo cháo chó loanh quanh đủ trò.*

Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam luôn gắn liền với việc thức khuya dậy sớm:

*Nửa đêm ân ái cùng chồng,
Nửa đêm về sáng gánh gồng ra đi.*

Khi chồng đi xa hay qua đời, người vợ phải vừa làm dâu, vừa làm mẹ, vừa làm cha để quán xuyến mọi công việc trong gia đình:

*Con thơ tay ấm tay bông,
Tay dắt mẹ chồng đầu bạc như bông.*

4. Vai trò đấu tranh chống ngoại xâm

Ngay từ buổi đầu chống ngoại xâm, người phụ nữ Việt Nam đã thể hiện vai trò đặc biệt, thậm chí đi đầu của mình. Họ không phải chỉ biết chăm lo cho gia đình mà khi cần cũng sẵn sàng xả thân vì nước vì nhà. Tấm gương Bà Trưng, Bà Triệu là điển hình cho truyền thống *Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh*:

*Vú dài ba thước giắt lưng,
Cưỡi voi gióng trống trong rừng chạy ra.
Cũng toan gánh vác sơn hà,
Cho Ngô biết mặt đàn bà Việt Nam.*

Đặc biệt, qua lời ru nồng nàn, người phụ nữ đã hun đúc cho con truyền thống yêu nước chống ngoại xâm:

*Ru con, con ngủ cho lành,
Để mẹ gánh nước rửa bành con voi.
Muốn coi lên núi mà coi,
Có bà Triệu tướng cưỡi voi đánh công.*

Để đối mặt với kẻ thù, người phụ nữ Việt Nam chân yếu tay mềm nhưng sẵn sàng luyện tập võ nghệ để trở thành anh hùng:

- *Ai vô Bình Định mà coi,
Con gái Bình Định đánh roi đi quyền.*
- *Ai về Cao Lãnh mà coi,
Con gái Cao Lãnh bỏ roi đi quyền.*

Khi kẻ thù giày xéo quê hương, người phụ nữ Việt Nam sẵn sàng xông ra trận tiền diệt lũ bán nước và cướp nước:

- *Trái khố qua xanh, trái khố qua đấng,
Trong trắng ngoài xanh,
Liều mẹ không đẻ, liều cha không sanh,
Chém đầu đứa nịnh cho đành dạ em.*
- *Gái Ba Tri mày tầm mắt phụng,
Giặc tới nhà chẳng vụng hươu dao.*

Nhưng phổ biến nhất là vai trò tiếp tế hậu cần của người phụ nữ trong công cuộc chống ngoại xâm:

- Con ơi con ngủ cho ngon,
Để mẹ tiếp tế ba con đánh thù.*

III. Kết luận

Từ trong truyền thống, người phụ nữ Việt Nam luôn giữ vai trò lớn lao trong gia đình và xã hội. Hình ảnh người mẹ, người bà, người chị hiện lên trong tâm thức dân tộc như một biểu tượng của tinh thần chăm chỉ cần cù, chịu thương chịu khó và giàu đức hy sinh.

Nhưng vượt lên tất cả, người phụ nữ Việt Nam có vai trò gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Trước sự bành trướng của nền văn hóa ngoại lai, họ luôn kêu gọi giữ gìn truyền thống:

- *Đền Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ,
Đền Mỹ Tho ngọn tổ ngọn lu.
Anh về học lấy chữ Nhu,
Chín trăng em đợi, mười thu em chờ.*
- *Bao giờ cho đến tháng hai,
Con gái cắt cỏ, con trai be bờ.
Con gái kẻ phú ngâm thơ,
Con trai be bờ kể chuyện bài bay.*

Tạo hóa sinh ra người phụ nữ Việt Nam như là đại diện cho bản sắc văn hóa linh hoạt của dân tộc: vừa dịu dàng, vừa cứng cỏi; vừa là người chủ trong gia đình, lại vừa là người phục vụ; dù được tôn trọng nhưng vẫn không ỷ lại. Chính vì vậy mà người phụ nữ trở thành biểu tượng của dân tộc Việt Nam. Điều đó giải thích vì sao phần lớn các hình thức tín ngưỡng bản địa ở Việt Nam đều gắn với yếu tố nữ và người phụ nữ trở thành đối tượng thông linh trong đời sống tâm linh của cư dân bản địa Việt Nam.

L C L

CHÚ THÍCH

- (1) Theo Vu Gia, *Hoàng Đạo - nhà báo, nhà văn*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1997, tr.160.
- (2) Trần Quốc Vương, *Truyền thống phụ nữ Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2000, tr. 10.
- (3) Trần Ngọc Thêm, *Lý luận văn hóa học* (tập bài giảng), Bộ môn Văn hóa học, Trường ĐH KHXH&NV TP HCM, 2005, tr. 66.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thị Minh 2004, *Gia đình Việt Nam và vai trò người phụ nữ trong gia đình hiện nay*, HN, Nxb Chính trị Quốc gia, 215 tr.
2. Đinh Gia Khánh (chủ biên) 1983, *Ca dao Việt Nam*, HN, Nxb Văn học, 169 tr.
3. Đỗ Văn Tân (chủ biên) 1984, *Ca dao Đồng Tháp Mười*, Sở Văn hoá - Thông tin Đồng Tháp xb, 152 tr.
4. Lê Đức Luận 2006, "Hình tượng người phụ nữ xưa qua các bài ca dao có câu mở đầu "Quả cau nho nhỏ, Cái vỏ vùn vùn"", trong *Ngữ học Trẻ 2006*, Nxb Đại học Sư phạm, tr. 396 - 399.
5. Nguyễn Lân 1997, *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, 353 tr.
6. Nguyễn Phương Thảo - Hoàng Thị Bạch Liên 1988, *Văn học dân gian Bến Tre*, Nxb Khoa học Xã hội, 343 tr.
7. Nguyễn Thị Hồng Cúc, "Thư mục tạp chí nữ giới qua các thời kỳ tại Sài Gòn" (Tài liệu đánh máy).
8. Nhiều tác giả 1984, *Ca dao dân ca Nam Bộ*, Nxb TP HCM, 507 tr.
9. Nhiều tác giả 1985, *Văn học dân gian Tiền Giang*, Sở Văn hóa - Thông tin Tiền Giang xb, 189 tr.
10. Trần Đức Các 1995, *Tục ngữ với một số thể loại văn học*, HN, Nxb Khoa học Xã hội, 108 tr.
11. Trần Ngọc Dung 2006, "Chủ đề phụ nữ từ văn học dân gian đến văn học hiện đại Việt Nam", Tạp chí *Văn hóa Dân gian*, số 1/2006, tr. 47 - 51.
12. Trần Ngọc Thêm 1999, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 334 tr.
13. Trần Ngọc Thêm 2005, *Lý luận văn hóa học* (tập bài giảng), Bộ môn Văn hóa học, Trường ĐH KHXH&NV TP HCM, 105 tr.
14. Trần Quốc Vương 2000, *Truyền thống phụ nữ Việt Nam*, HN, Nxb Văn hóa Dân tộc, 124 tr.
15. Trần Thị Vinh 1993, "Hoàng Việt luật lệ đối với phụ nữ trong xã hội Việt Nam cổ truyền", Tạp chí *Khoa học về phụ nữ*, số 1/1993, tr. 11 - 12.
16. Vu Gia 1997, *Hoàng Đạo - nhà báo, nhà văn*, HN, Nxb Văn hóa, 467 tr.
17. Vũ Ngọc Phan 1978, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, HN, Nxb Khoa học Xã hội, 899 tr.

TÓM TẮT

Việt Nam có truyền thống trọng nữ từ lâu đời nên vai trò của người phụ nữ đã được phản ánh một cách đầy đủ và súc tích qua kho tàng văn học dân gian, đặc biệt là ca dao, tục ngữ. Do đó, việc tìm hiểu vai trò của người phụ nữ qua ca dao, tục ngữ là hết sức cần thiết, nhằm bổ sung vào việc nghiên cứu vai trò của người phụ nữ trong quá khứ để làm tiền đề phát huy vai trò ấy trong xã hội hiện nay. Bài viết điểm qua vai trò của người phụ nữ Việt Nam trên các khía cạnh bảo tồn nòi giống, xây dựng nề nếp gia phong, kinh tế và đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

ABSTRACT

VIETNAMESE WOMEN'S ROLE THROUGH FOLK POETRY AND PROVERBS

Vietnamese people keep long-standing traditions for their respect to women which are reflected completely and concisely through their folklore, above all through their folk poetry and proverbs. Therefore, it is quite necessary to learn the women's role through folk poetry and proverbs so as to contribute more to the study on the women's role in the old days. The findings will serve to enhance such a role in the present day's society. The author's writing describes the women's role with respect to the demands for preservation of national race, establishment of familial and economic discipline and the sense of national defense.